

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2025/DS-ST

Ngày: 03-3-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Quách Thị Yến Linh; bà Đào Thị Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Phượng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 505/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S; địa chỉ trụ sở: 128 đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên lạc: Số A, đường C, Khu Phố C, Phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT - Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đinh Thị Kim A, sinh năm 1990; cư trú tại: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Giấy uỷ quyền số: 1990/2024/UQ-SVN ngày 01-10-2024). (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Đ, sinh năm 1988; cư trú tại: Tổ A, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 05-11-2024, bản tự khai, bảng tường trình trong quá trình giải quyết vụ án, đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 03-3-2025, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty) được cấp giấy đăng ký kinh doanh hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản. Vào ngày 30-07-2022, ông Huỳnh Đ đến Công ty, chi nhánh T ký Hợp đồng cầm cố tài sản số: T2M220701008NA20X (viết tắt là hợp đồng cầm cố), cụ thể:

+ Về nội dung hợp đồng cầm cố:

- Số tiền cầm cố: 23.100.000 (hai mươi ba triệu một trăm nghìn) đồng.
- Thời hạn cầm cố: 12 tháng, từ ngày 30-7-2022 đến ngày 30-7-2023.
- Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.
- Ngày giải ngân: 30-7-2022 (giải ngân vào tài khoản ngân hàng T1 do ông Huỳnh Đ đứng tên chủ tài khoản).

+ Về tài sản cầm cố: Là 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại VARIO 150, biển số xe: 70E1-547.27, màu đỏ đen, số khung: MH1KF4114LK940553, số máy: KF41E1942963, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 042312 do Công an Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26-5-2020 cho ông Huỳnh Đ đứng tên (viết tắt là xe mô tô biển số 70E1-547.27).

+ Về lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận:

- Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cầm cố trong hạn.
- Phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền.
- Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản: 485.100 đồng.
- Phí phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ trên dư nợ thực tế chưa đến hạn.

Khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, ngoài hợp đồng chính, ông Đ còn ký phụ lục hợp đồng nội dung bên cầm cố tài sản đã đồng ý cho Công ty có quyền cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng lợi tức đến khi chấm dứt hợp đồng, thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại khoản 3 Điều 314 của Bộ luật Dân sự 2015. Tài sản

cầm cố đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ1 với số hợp đồng: 1468165408.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên ông Đ có làm đơn xin mượn lại xe cầm cố trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày 30-7-2022 đến hết ngày 30-8-2022 sẽ trả lại xe đã mượn. Công ty đã đồng ý cho ông Đ mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và ông Đ cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan. Ông Đ cam kết nhiều nội dung trong Giấy mượn xe, trong đó có nội dung *“trả lại tài sản mượn đúng thời hạn thỏa thuận, trong thời hạn mượn xe, nếu có yêu cầu đưa xe về lại chi nhánh thì ông Đ sẽ chấp hành”*.

Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố, Công ty S đã giải ngân số tiền: 23.100.000 đồng cho ông Đ. Ông Đ chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng cầm cố đến ngày 30-11-2022 số tiền: 13.320.000 đồng, trong đó tiền gốc: 8.991.892 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.077.902 đồng; tiền lãi quá hạn: 334.751 đồng; phí quản lý hồ sơ: 489.955 đồng; phí hao mòn và bảo dưỡng xe: 2.425.500 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố, ông Đ đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết của hợp đồng cầm cố, không trả xe theo giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Công ty đã nhiều lần liên lạc, gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho ông Đ có thời gian thu xếp trả nợ nhưng ông Đ vẫn không thực hiện.

Nay, Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Buộc ông Huỳnh Đ phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 03-3-2025 là **21.691.215 đồng**, bao gồm tiền gốc: 14.108.108 đồng, lãi trong hạn: 3.879.730 đồng, lãi quá hạn: 1.939.865 đồng, phí quản lý hồ sơ: 1.763.512 đồng, công ty rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe, phí thanh lý nợ trước hạn. Ông Đ còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 03-3-2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Trường hợp ông Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Công ty.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Đ vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công

ty.

Bị đơn - ông Huỳnh Đ: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ các Điều 309, 310 và 280 của Bộ luật Dân sự; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với ông Huỳnh Đ về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với ông Đ về việc thu phí hao mòn và bảo dưỡng xe khi mượn xe, phí thanh lý trước hạn. Buộc ông Huỳnh Đ phải trả cho Công ty số tiền vay gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn, và các khoản phí theo thoả thuận của hợp đồng tổng số tiền: 21.691.215 đồng (tính đến ngày 03-3-2025). Ông Đ phải chịu án phí theo luật định. Công ty không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn - Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện ông Huỳnh Đ về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản là hợp đồng dân sự, tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Đ cư

trú tại xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn là ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty, thấy rằng:

[2.1] Công ty cung cấp hợp đồng cầm cố số: T2M220701008NA20X và phụ lục hợp đồng ghi ngày 30-7-2022 giữa Công ty và ông Huỳnh Đ, số tiền cầm cố là 21.300.000 đồng, thời hạn cầm cố là 12 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế kể từ ngày nhận tiền. Để đảm bảo cho khoản tiền cầm cố, ông Đ đã thế chấp tài sản đảm bảo là một chiếc xe mô tô có nhãn hiệu HONDA VARIO 150 mang biển số 70E1-547.27. Tài sản trên đã được công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ1 với số hợp đồng là: 1468165408. Xét thấy, hợp đồng cầm cố trên được thực hiện đảm bảo theo quy định tại các Điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 468 của Bộ luật Dân sự, do đó hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn xác định, sau khi ký hợp đồng cầm cố đến ngày 30-11-2022 thì ông Đ chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng cầm cố số tiền: 13.320.000 đồng, trong đó tiền gốc: 8.991.892 đồng, tiền lãi trong hạn: 1.077.902 đồng; tiền lãi quá hạn: 334.751 đồng; phí quản lý hồ sơ: 489.955 đồng; phí hao mòn và bảo dưỡng xe: 2.425.500 đồng. Từ ngày 30-12-2022 cho đến nay thì ông Đ không trả cho công ty B khoản tiền nào. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho ông Đ, nhưng ông Đ không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến, vì vậy căn cứ Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem như ông Đ đồng ý, không phản đối lời trình bày và các chứng cứ do Công ty cung cấp. Do đó có căn cứ xác định ông Đ chưa thanh toán xong tiền nợ gốc, nợ lãi cho Công ty là có thật. Căn cứ khoản 3 Điều 311 của Bộ luật Dân sự và nội dung thoả thuận của hợp đồng cầm cố thì buộc ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho công ty số tiền nợ gốc, nợ lãi và phí quản lý hồ sơ là phù hợp. Các khoản được tính cụ thể như sau:

+ Tiền nợ gốc là: 14.108.108 đồng;

+ Tiền lãi quá hạn 1,65%/tháng (cụ thể là 1,1%/tháng lãi trong hạn x 150%) trên dư nợ thực tế từ ngày 03-12-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (03-3-2025) là: 02 năm 03 tháng 03 ngày x 1,65% x 14.108.108 đồng = 5.820.000 đồng (đã làm tròn).

+ Phí quản lý hồ sơ 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế từ ngày 30-12-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (03-3-2025) là: 02 năm 03 tháng 03 ngày x 0,5%/tháng x 14.109.108 đồng = 1.763.000 đồng (đã làm tròn).

Tổng cộng: 21.691.000 đồng (đã làm tròn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Huỳnh Đ phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn và phí quản lý hồ sơ của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản số: T2M220701008NA20X và phụ lục hợp đồng ghi ngày 30-7-2022.

[2.3] Ngày 03-3-2025, Công ty có văn bản trình bày ý kiến đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông Đ có nghĩa vụ trả các khoản phí khác như phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe và phí thanh lý trước hạn, việc rút yêu cầu khởi kiện này phù hợp quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.4] Về xử lý tài sản cầm cố: Trường hợp ông Huỳnh Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là 01 (một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu HONDA, loại VARIO 150, biển số xe 70E1-547.27 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ thanh toán thì ông Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty theo Điều 307 của Bộ luật Dân sự.

Khi việc cầm cố chấm dứt theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 315 của Bộ luật Dân sự thì công ty có nghĩa vụ trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mà Công ty đang giữ cho ông Đ theo Điều 316 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu là phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử, do đó có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm

2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Huỳnh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, cụ thể: 21.691.000 đồng x 05% = 1.084.550 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 303, 307, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với ông Huỳnh Đ về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

Buộc ông Huỳnh Đ có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền: **21.691.000** (hai mươi một triệu sáu trăm chín mươi một nghìn) đồng (đã làm tròn), trong đó: tiền nợ gốc: 14.108.108 (mười bốn triệu một trăm lẻ tám nghìn một trăm lẻ tám) đồng; tiền lãi: 5.820.000 (năm triệu tám trăm hai mươi) đồng; phí quản lý hồ sơ: 1.763.000 (một triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Huỳnh Đ phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn và phí quản lý hồ sơ của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cầm cố số: T2M220701008NA20X và phụ lục hợp đồng ghi ngày 30-7-2022.

2. Trường hợp ông Huỳnh Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần S Có Ngay được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA, loại VARIO 150, biển số xe 70E1-547.27, màu đỏ đen, số khung: MH1KF4114LK940553, số máy là KF41E1942963, theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 042312 do Công an Huyện D, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26-5-2020 cho ông Huỳnh Đ đứng tên, để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cầm cố không đủ thanh toán thì ông Đ còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho công ty theo Điều 307 của Bộ luật Dân sự.

3. Khi việc cầm cố chấm dứt theo khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 315 của Bộ luật Dân sự thì Công ty Cổ phần S có nghĩa vụ trả lại cho ông Huỳnh Đ bản C Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 042312 do Công an Huyện D,

tỉnh Tây Ninh cấp ngày 26-5-2020 cho ông Huỳnh Đ đứng tên và xoá đăng ký giao dịch bảo đảm.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với ông Huỳnh Đ về việc thu phí hao mòn và bảo dưỡng xe khi mượn xe, phí thanh lý trước hạn.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

5.1 Buộc ông Huỳnh Đ phải chịu 1.084.550 (một triệu không trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi) đồng.

5.2 Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí 767.000 (bảy trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng mà công ty đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008260 ngày 05 tháng 11 năm 2024.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THADS Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Cẩm Hà